



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 2C/TĐTKT-TN

Cơ sở số (CQ thống kê ghi)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA MẪU VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ HOẠT ĐỘNG BÁN BUÔN; BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật thống kê
- Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x);
- Đối với câu hỏi/mục lựa chọn: khoanh tròn vào mã số tương ứng với câu trả lời thích hợp nhất;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu: ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên cơ sở SXKD (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

2. Địa chỉ của cơ sở:

Cơ quan TK ghi

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:.....

Huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh):.....

Xã/phường/thị trấn:.....

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):.....

Mã khu vực

Số máy

Số điện thoại :

Số fax của cơ sở :

Email của cơ sở :.....

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

A1. Ngành SXKD chính của cơ sở ?

Cơ quan TK ghi

VISIC 2007 - cấp 5

(Là ngành tạo ra GTSX lớn nhất hoặc có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

A2. Địa điểm SXKD của cơ sở ông/bà thuộc loại nào ? (chỉ chọn một mã)

1. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm là nhà của chủ cơ sở
2. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, cơ sở đi thuê (hoặc mượn)
3. Là cửa hàng tiện ích (minimax)
4. Tại siêu thị, Trung tâm thương mại
5. Tại chợ kiên cố, bán kiên cố (cửa hàng, quầy hàng...)
6. Tại địa điểm khác (ghi rõ)

A3. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về người chủ của cơ sở SXKD này ? (Mục " Họ và tên" viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

- Họ và tên:.....

- Giới tính: 1. Nam

2. Nữ

Năm sinh

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):.....

- Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất).....

--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo:

1. Chưa qua đào tạo

2. Đào tạo dưới 3 tháng

3. Sơ cấp

4. Trung cấp

5. Cao đẳng

6. Đại học

7. Thạc sỹ

8. Tiến sỹ

9. Trình độ khác (ghi rõ).....

A4. Hoạt động SXKD của cơ sở thường diễn ra trong khoảng thời gian nào? (ghi thời gian cụ thể. Thời gian hoạt động SXKD của một ngày được tính từ 0h01' đến 24h00')

Từ.....đến.....

A5. Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở ông/bà thuộc loại nào dưới đây ?

1. Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

3. Đã đăng ký KD nhưng chưa được cấp giấy

4. Không phải đăng ký kinh doanh

A6. Cơ sở của ông/bà có mã số thuế kinh doanh hay không ?

1. Có

2. Không → Chuyển câu A8

A7. Ông/bà cho biết mã số thuế của cơ sở?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A8. Ông/bà cho biết thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 như thế nào?

- Số ngày SXKD bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm 2017

--	--

 ngày

- Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017

--

 tháng

- Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017

--

 tháng

MỤC B. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

(chỉ tính số lao động của cơ sở trên cùng xã/phường, không tính số lao động của các cơ sở khác xã/phường)

B1. Lao động (kể cả chủ cơ sở) làm việc tại cơ sở của ông/bà vào thời điểm 01/7/2017?

	Mã số	Số lượng (người)
A	B	1
Tổng số	01	
Trong tổng số:		
1. Lao động là nữ	02	
2. Lao động thuê ngoài	03	
3. Lao động cơ sở không phải trả tiền công	04	
4. Lao động là người nước ngoài	05	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	06	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	07	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	08	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	09	
5. Trên 60 tuổi	10	
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	11	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	12	
3. Sơ cấp	13	
4. Trung cấp	14	
5. Cao đẳng	15	

6. Đại học		16	
7. Thạc sỹ		17	
8. Tiến sỹ		18	
9. Trình độ khác.....		19	

B2. Bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017), **cơ sở của ông/ bà phải chi trả cho một nhân công thuê ngoài là bao nhiêu?** (tính tất cả các khoản chi trả, kể cả bảo hiểm)

Đơn vị tính: 1000 đồng

MỤC C. SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ
(Bao gồm cả vốn và lãi)

C1. Ông/bà cho biết số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở bình quân một ngày hoặc bình quân một tháng có hoạt động SXKD (trong 6 tháng đầu năm 2017) **là bao nhiêu nghìn đồng ?** (cơ sở có thể lựa chọn trả lời một trong 2 câu C1.1 hoặc C1.2)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Bình quân một ngày	Bình quân một tháng
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C2. Ông/bà cho biết tổng số tiền thu được do bán hàng/cung cấp dịch vụ (kể cả vốn và lãi) của cơ sở năm 2017 là bao nhiêu nghìn đồng?

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 (*)
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C3. Cơ sở của ông/bà bán loại hàng hóa hay cung cấp dịch vụ nào dưới đây ?

1. Bán hoặc sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, bán phụ tùng của các loại xe nói trên ?

Chuyển câu C4
2. Bán buôn, bán lẻ hàng hóa khác (trừ ô tô, mô tô, xe máy hoặc xe có động cơ)

Chuyển câu C5

C4. Nếu có, cơ sở đã bán những loại xe nào với số lượng và giá trị là bao nhiêu ?

	Mã số	6 tháng đầu năm 2017		Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017	
		Số lượng (chiếc)	Giá trị (1000 đ)	Số lượng (chiếc)	Giá trị (1000 đ)
A	B	1	2	3	4
I. Tổng số (01=03+05+06+08+09+11+13+15)	01				
Trong đó: Bán lẻ (02=04+07+10+12+14+16)	02				
1. Bán ô tô loại 9 chỗ ngồi trở xuống (cũ và mới)	03				
Trong đó: bán lẻ	04				
2. Bán ô tô loại khác, loại cũ và mới (trừ ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống)	05				
3. Bán phụ tùng, bộ phận phụ trợ của ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	06	x		x	

<i>Trong đó: bán lẻ</i>	07	x		x	
4. Bán phụ tùng, bộ phận phụ trợ của ô tô loại khác (<i>trừ ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống</i>)	08	x		x	
5. Bán mô tô, xe máy	09				
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	10				
6. Bán phụ tùng mô tô, xe máy	11	x		x	
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	12	x		x	
7. Bán xe có động cơ khác và phụ tùng	13	x		x	
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	14	x		x	
8. Bán phương tiện đi lại khác (<i>trừ ô tô, mô tô, xe máy</i>) và phụ tùng	15	x		x	
<i>Trong đó: bán lẻ</i>	16	x		x	
II. Trị giá vốn hàng bán (tương ứng với tổng doanh thu mã 01)	17	x		x	
III. Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	18				
1. Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô các loại	19				
2. Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	20				

C5. Số tiền thu được do bán hàng của một số nhóm/mặt hàng dưới đây (kể cả vốn và lãi)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Tên nhóm hàng	Mã số	6 tháng đầu năm 2017		Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 (*)	
		Tổng số	<i>Trong đó: bán lẻ</i>	Tổng số	<i>Trong đó: bán lẻ</i>
A	B	1	2	3	4
I. Tổng số tiền thu được do bán hàng					
Cơ sở kê khai	01				
Điều tra viên tính	02				
1. Lương thực, thực phẩm					
Cơ sở kê khai	03				
Điều tra viên tính	04				
2. Hàng may mặc, giày dép					
Cơ sở kê khai	05				
Điều tra viên tính	06				
3. Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình					
Cơ sở kê khai	07				
Điều tra viên tính	08				
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục					
Cơ sở kê khai	09				
Điều tra viên tính	10				
5. Gỗ và vật liệu xây dựng					
Cơ sở kê khai	11				
Điều tra viên tính	12				
6. Phân bón, thuốc trừ sâu					
Cơ sở kê khai	13				

Điều tra viên tính	14				
7. Xăng, dầu các loại					
Cơ sở kê khai	15				
Điều tra viên tính	16				
8. Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu)					
Cơ sở kê khai	17				
Điều tra viên tính	18				
9. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm					
Cơ sở kê khai	19				
Điều tra viên tính	20				
10. Hàng hóa khác					
Cơ sở kê khai	21				
Điều tra viên tính	22				
II. Trị giá vốn của hàng đã bán ra					
Cơ sở kê khai	23				
Điều tra viên tính	24				

(*) Nếu tổng số tiền bán hàng cả năm 2017 mục C4 hoặc C5 cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên, hỏi tiếp câu hỏi mục H

MỤC D. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ

(Đối với TSCĐ, chỉ tính những tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ sở, không tính tài sản đi thuê dùng cho hoạt động SXKD có giá mua từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm)

		Mã số	Giá trị (1000 đồng)
	A	B	1
D1. Tổng trị giá tài sản cố định có đến 01/7/2017 của cơ sở dùng trong SXKD (tính theo giá mua tài sản của cơ sở)		01	
Trong đó: Máy móc, thiết bị		02	
D2. Giá trị hao mòn tài sản cố định của cơ sở trong một năm		03	
D3. Tổng giá trị hao mòn tài sản cố định tính đến 01/7/2017		04	
D4. Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ tính đến 01/7/2017		05	
D5. Số vốn của chính cơ sở có để thực hiện SXKD		06	
D6. Diện tích mặt bằng dùng cho SXKD hiện tại của cơ sở là bao nhiêu mét vuông			m2

MỤC E. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Trong năm 2017, cơ sở sản xuất của ông/bà phải nộp các khoản thuế, phí và lệ phí là bao nhiêu ?

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Số phải nộp 6 tháng đầu năm 2017	Số đã nộp 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến phải nộp 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2	3
Tổng số	01			
Trong đó:				
+ Thuế GTGT	02			
+ Thuế môn bài	03	x		

MỤC G. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

G1. Cơ sở của ông/bà có sử dụng máy tính trong SXKD không ? (không kể số máy tính của cơ sở sử dụng KD dịch vụ internet hoặc trò chơi điện tử)

1. Có

2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được

Chuyển câu H3

G2. Số lao động thường xuyên sử dụng máy tính tại cơ sở của ông/bà ?

người

G3. Cơ sở của ông/bà có kết nối mạng internet không ?

1. Có

2. Không

Chuyển mục H nếu doanh thu cơ sở khai từ 100 triệu đ

G4. Tại cơ sở của ông/bà có bao nhiêu lao động thường xuyên truy cập internet (ít nhất 1 lần một tuần)

người

G5. Cơ sở có trang thông tin điện tử riêng nào không ? (có website riêng hoặc có một trang riêng của cơ sở được hiện trên bất cứ một website nào) ?

1. Có

2. Không

Nếu có, ghi rõ tên miền Website của cơ sở

G6. Cơ sở có sử dụng internet để thực hiện các công việc dưới đây không ? (khoanh vào số thứ tự của từng mục nếu cơ sở có thực hiện).

1. Giao/nhận việc và trao đổi trực tiếp với nhân viên qua mạng,
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin liên quan đến chính sách, thị trường cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tải tài liệu, học online....)
5. Giao dịch với các cơ quan, tổ chức khác (Tải form mẫu văn bản, nộp tờ khai thuế, kê khai hải quan, làm thủ tục hành chính...)
6. Cung cấp dịch vụ cho khách hàng
7. Hoạt động tài chính (Internet banking, đầu tư, hoạt động chứng khoán...)
8. Mua sắm, bán hàng, kinh doanh trên mạng
9. Tìm hiểu và kết nối, tương tác với khách hàng
10. Mục đích khác (ghi rõ).....

MỤC H. TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP (Chỉ thực hiện với các cơ sở có tổng doanh thu năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên)

H1. Trong hai năm qua, cơ sở của ông/bà đã từng vay vốn từ ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc các nguồn khác để sản xuất kinh doanh hay không?

1. Có

2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được

Chuyển câu H3

H2. Nếu có, cơ sở ông bà thường vay vốn từ những nguồn nào?

1. Từ tổ chức tín dụng nhà nước

3. Từ tổ chức tín dụng ngoài nhà nước

2. Từ bạn bè, người thân trong gia đình

4. Từ nguồn khác (ghi rõ).....

H3. Trong năm 2017 và 2018, cơ sở của ông/bà có ý định thành lập doanh nghiệp hay không?

1. Có

2. Không

Chuyển câu H6

H4. Lý do cơ sở mong muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Được các cơ quan hỗ trợ, lo cho các thủ tục

4. Dễ tìm kiếm đối tác làm ăn

2. Dễ vay vốn từ Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc tổ chức tín dụng khác

5. Lý do khác (ghi rõ).....

3. Được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước

H5. Cơ sở đã tìm hiểu thông tin gì dưới đây để chuẩn bị thành lập doanh nghiệp?

1. Thông tin về đăng ký kinh doanh

2. Thông tin về vay vốn

2. Thông tin về thuế

4. Thông tin khác(ghi rõ).....

H6. Lý do cơ sở không muốn thành lập doanh nghiệp?

- | | |
|---|---|
| 1. Không muốn thay đổi | 4. Ngại phải giải trình với cơ quan chức năng |
| 2. Phải nộp thuế cao hơn | 5. Ngại thực hiện thủ tục đăng ký |
| 3. Phải thực hiện báo cáo tài chính với CQ Thuế | 6. Lý do khác (ghi rõ)..... |

Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian cho cuộc phỏng vấn!

Điều tra viên	Tổ trưởng	Người trả lời phỏng vấn
Họ và tên:.....	Họ và tên:.....	Họ và tên:.....
Điện thoại:.....	Điện thoại:.....	Điện thoại:.....
Ký tên:.....	Ký tên:.....	Ký tên:.....